

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN HUNG NGUYỄN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HS-ST

Ngày: 19/8/2022

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN HUNG NGUYỄN, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông L Quốc Tú;

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phụng

2. Ông Nguyễn Văn Tường

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Trà My, Thư ký Tòa án N dân huyện Hưng Nguyễn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Hưng Nguyễn, tỉnh Nghệ An: ông Nguyễn Văn Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Hưng Nguyễn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2022/HSST ngày 30 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HS, ngày 19 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2022/HSST- QĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/ HSST- QĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. **TVT**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 07 tháng 10 năm 1989 tại huyện Hưng Nguyễn, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện Hưng Nguyễn, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: không. Con ông: TVA (đã chết) và con bà LTT. Vợ: HTN. Con: Có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/4/2022 đến ngày 21/4/2022 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Có mặt.

2. **CVN**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 09/5/1975 tại huyện Hưng Nguyễn, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện Hưng Nguyễn, Nghệ An. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ văn hóa: Lớp 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Con ông CVH (đã chết) và con bà NTN. Vợ: LTH. Con: có 03 người. Tiền án, tiền sự: không. N T: Ngày 28/01/2010, bị Tòa án N dân huyện Hưng Nguyễn xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Cố

ý làm hư hỏng tài sản” buộc bồi thường cho công an huyện Hưng Nguyên số tiền 8.226.000. Chấp hành xong tháng 8/2011; Ngày 20/9/2018, bị TAND huyện Hưng Nguyên xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 10.000.000đ, theo bản án số 24/2018/HSST ngày 20/9/2018. Chấp hành xong tháng 11/2021. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2022 cho đến nay. Có mặt.

3. **CXM**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 12 tháng 3 năm 1973 tại huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 7/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Con ông CVS (đã chết) và con bà VTN (đã chết). Vợ: NTT. Con: có 02 người. Tiền án, tiền sự: Không. N T: Ngày 29/10/1999, bị Tòa án N dân tỉnh Nghệ An xử phạt 24 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích; 06 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình chung của 02 tội là 30 tháng tù, buộc bồi thường cho anh TVL 5.226.000, phải nộp 50.000đ án phí hình sự và 248.000đ án phí dân sự theo bản án số 127. Chấp hành xong ngày 12/6/2001; Ngày 30/12/2016 bị công an huyện Hưng Nguyên xử phạt hành chính 5.000.000đ về hành vi đánh bạc. Đã chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2022 đến nay. Có mặt.

4. **TVL**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 16 tháng 7 năm 1982 tại huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 7/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Con ông TVN và con bà VTT. Vợ: TTN. Con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án: Ngày 20/9/2018 bị TAND huyện Hưng Nguyên xử phạt 03 tháng tù, phạt bổ sung 10.000.000đ, theo bản án số 24/2018/HSST ngày 20/9/2018. Bị án chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung. Tiền sự: Không. N T: Ngày 17/11/2009, bị Tòa án N dân huyện Hưng Nguyên xử phạt 27 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, buộc bồi thường cho 02 bị hại tổng số tiền 9.000.000đ. Bị cáo đã chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2022 cho đến nay. Có mặt.

5. **TVT**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 11 tháng 9 năm 1988 tại huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Con ông TVB (đã chết) và con bà PTT. Vợ: PTH. Con: có 01 người. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2022, đến ngày 21/4/2022 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Có mặt.

6. **PĐS**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 30 tháng 10 năm 1970 tại huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Con ông PĐU (đã chết) và con bà CTT. Vợ: CTL. Con: có 02 người. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/4/2022, đến ngày 21/4/2022 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Có mặt.

7. **LVN**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 04 tháng 7 năm 1954 tại huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 07/10. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Con ông LVM (đã chết) và con bà LTB (đã chết). Vợ: CTN. Con: có 02 người. Tiền án, tiền sự: Không. N T: Ngày 03/8/2020 bị công an huyện Hưng Nguyên xử phạt hành chính 1.000.000đ về hành vi Đánh bạc, chấp hành xong tháng 9/2020. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2022 đến nay. Có mặt.

8. **LVT**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 06 tháng 7 năm 1982 tại huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 9/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Con ông LĐT (đã chết) và con bà TTP. Vợ: NTN. Con: có 02 người. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/4/2022, đến ngày 21/4/2022 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh TVN. Sinh năm: 1975. Địa chỉ cư trú: xóm L, xã T, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 22 giờ ngày 11/4/2022, TVT, CXM, TVT đến nhà anh TVN (1975) trú cùng xóm L, xã T, huyện Hưng Nguyên để thắp hương viếng bố anh N bị chết. Sau khi thắp hương xong, TVT, CXM, TVT đi lại bàn đặt ở sân nhà anh N ngồi uống nước, nói chuyện, đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa. Biết tại bộ dong để trong nhà anh N có 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ và 04 quân xúc xắc được cất ra từ quần bài Tú lơ khơ, không biết ai chuẩn bị từ trước đang để sẵn ở đó nên TVT đi vào lấy ra rồi cùng với CXM, TVT ngồi xuống chiếu đã trải sẵn ở hành lang gần bể nước nhà anh N để đánh; TVT là người cầm cái, tỷ lệ đặt cược trong mỗi ván đánh tùy vào người chơi nhưng thấp nhất là 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), cao nhất không quá 500.000đ (năm trăm nghìn

đồng). Đánh được một lúc thì có TVL, CVN, LVT, PDS, LVN vào tham gia, lúc này tất cả thống nhất tỷ lệ đặt cược trong mỗi ván đánh thấp nhất là 100.000đ (một trăm nghìn đồng), cao nhất không quá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). T tiếp tục cầm cái thì những người tham gia đánh bạc yêu cầu T phải chứng M mình có tiền mới cho cầm cái nên T lấy ra 13.800.000đ (mười ba triệu, tám trăm nghìn đồng) rồi lấy 9.000.000đ (chín triệu đồng) bỏ dưới chiếu nơi T ngồi đánh bạc, còn 4.800.000đ (bốn triệu, tám trăm nghìn đồng) cầm ở tay để đánh; quá trình đánh T lấy 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) từ số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng) để dưới chiếu đổi thành tiền lẻ và bỏ vào trong ví để phụ cho người chơi khi cần; LVN đánh một lúc thì thua hết tiền nên đứng xem, số còn lại tiếp tục đánh đến khoảng 00 giờ 20 phút ngày 12/4/2022 thì bị công an huyện Hưng Nguyên phát hiện bắt quả tang, lúc công an vào bắt, TVT cầm theo 4.500.000đ (bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) bỏ chạy vào trong nhà anh N và vứt số tiền đó vào phía sau tủ lạnh, sau đó không biết ai nhặt mất không thu hồi lại được; công an lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, thu giữ tại chiếu bạc 7.700.000đ (bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng), 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân xúc xắc được cất ra từ quân bài Tú lơ khơ, 01 chiếc chiếu tre và 01 chiếc chăn hoa màu trắng đồng thời đưa các đối tượng về trụ sở công an để điều tra làm rõ.

Quá trình điều tra, xác định số tiền các Bị cáo sử dụng để đánh bạc, kết quả thắng, thua và số tiền bị thu giữ như sau:

- TVT mang đi 13.8000.000đ (mười ba triệu, tám trăm nghìn đồng), T sử dụng toàn bộ để đánh bạc, quá trình đánh bị thua 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), lúc công an vào bắt, T cầm 4.500.000đ (bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) bỏ chạy vào trong nhà anh N và vứt số tiền đó vào phía sau tủ lạnh, sau đó không biết ai nhặt mất không thu hồi lại được, số còn lại bao gồm 7.700.000đ (bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng) để dưới chiếu và 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) để trong ví bị công an thu giữ;

- CVN mang đi 11.650.000đ (mười một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng), N sử dụng 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc, quá trình đánh N không thắng, không thua; khi bắt quả tang công an thu giữ 11.650.000đ (mười một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) trong đó có 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) N sử dụng để đánh bạc;

- TVT mang đi 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng), T sử dụng 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) để đánh bạc, quá trình đánh T thắng 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng), khi bắt quả tang công an thu giữ 5.800.000đ (năm triệu, tám trăm nghìn đồng), trong đó có 1.200.000đ (một triệu hai

trăm nghìn đồng) tiền T bỏ ra đánh bạc và 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) tiền lời;

- CXM mang đi 1.000.000đ (một triệu đồng), M sử dụng toàn bộ để đánh bạc, quá trình đánh bị thua 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), còn lại 950.000đ (chín trăm năm mươi nghìn đồng) khi bắt quả tang bị công an thu giữ;

- TVL mang đi 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng), L sử dụng toàn bộ để đánh bạc, quá trình đánh bị thua 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), còn lại 2.000.000đ (hai triệu đồng), khi bắt quả tang bị công an thu giữ;

- PDS đưa đi 2.050.000đ (hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), S sử dụng 1.000.000đ (một triệu đồng) để đánh bạc, quá trình đánh S thắng 100.000đ (một trăm nghìn đồng), khi bắt quả tang công an thu giữ 2.150.000đ (hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó có 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền S bỏ ra đánh bạc và 100.000đ (một trăm nghìn đồng) tiền lời;

- LVN mang đi 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), N sử dụng toàn bộ để đánh bạc, đánh được một lúc thì bị thua hết nên ra đứng xem, khi công an bắt quả tang thì N đã nghỉ đánh nên N không có tên trong biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang và công an không thu giữ;

- LVT mang đi 950.000đ (chín trăm năm mươi nghìn đồng), T sử dụng 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) để đánh bạc, quá trình đánh bị thua 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), khi bắt quả tang công an thu giữ 900.000đ (chín trăm nghìn đồng), trong đó có 400.000đ T sử dụng để đánh bạc còn lại.

Vật chứng vụ án:

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 32.450.000đ (ba mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 24.950.000đ (hai mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng khi bắt quả tang chỉ thu giữ được 20.450.000đ (hai mươi triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) còn 4.500.000đ (bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) TVT cầm theo lúc bỏ chạy và vớt sau tủ lạnh nhà anh N không thu hồi được.

- 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân xúc xắc được cắt ra từ quân bài Tú lơ khơ, 01 chiếc chiếu tre và 01 chiếc chăn hoa màu trắng.

Công văn trả lời số 189/NHNoHNG-KTNQ ngày 15/4/2022 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hưng Nguyên tỉnh Nghệ An xác định: Tổng số tiền 32.450.000đ (ba mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng), thu giữ của TVT cùng đồng phạm về tội Đánh bạc gửi đến kiểm tra đều là tiền thật.

Tại Cáo trạng số 45/VKS - HS ngày 24 tháng 6 năm 2022, của Viện kiểm sát N dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An đã truy tố TVT, CVN, CXM TVL, TVT, PDS, LVN, LVT về tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố các bị cáo TVT, CVN, CXM, TVL, TVT, PDS, LVN, LVT phạm tội Đánh bạc. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo TVT từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo CVN từ 07 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2022. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo TVL 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2022. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo TVT từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo CXM từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2022. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo PDS từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v, x khoản 1 điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo LVN từ 04 tháng đến 05 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/4/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo LVT từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng điểm a, điểm b, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b, khoản 2 Điều 106 BLTTHS: tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 20.450.000đ (hai mươi triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Truy thu số tiền 4.500.000 để nộp ngân sách nhà nước đối với TVT. Trả lại cho CVN 7.150.000đ, TVT 3.300.000đ, PDS 1.050.000đ, LVT 500.000đ. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng khác của vụ án.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo trình bày lời nói sau cùng: các bị cáo hối hận với hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Nguyên, Viện kiểm sát N dân huyện Hưng Nguyên, Điều tra viên, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2]. *Về chứng cứ xác định tội danh:*

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai tại phiên tòa và lời khai trong quá trình điều tra của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng vụ án và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được công bố và thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 00 giờ 20 phút ngày 12/4/2022, tại nhà anh TVN ở xóm L, xã T, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, TVT, CVN, TVL, TVT, CXM, PDS, LVN, LVT đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa, bị công an huyện Hưng Nguyên phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiều bạc 7.700.000đ (bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng), 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân xúc xắc được cắt ra từ quân bài Tú lơ khơ, 01 chiếc chiếu tre và 01 chiếc chăn hoa màu trắng. Quá trình điều tra xác định: Tổng số tiền các Bị cáo sử dụng để đánh bạc là 24.950.000 (hai mươi tư triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Nên hành vi đánh bạc, sát phạt nhau được thua bằng tiền bằng hình thức đánh xóc đĩa của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Cáo trạng của Viện kiểm sát N dân huyện Hưng Nguyên truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của các bị cáo trong vụ án:*

Vụ án thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng và có đồng phạm. Các bị cáo là những người trực tiếp thực hiện tội phạm, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, xã hội tại địa bàn xã T nói riêng và huyện Hưng Nguyên nói chung. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội đang có chiều hướng gia tăng và là nguyên N dẫn đến những ảnh hưởng xấu về đời sống kinh tế, hạnh phúc của nhiều gia đình, ngoài ra nó còn là nguyên N trực tiếp dẫn đến phát sinh các loại tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm M đối với các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4]. Đánh giá vai trò, N T, các tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo:

Trong vụ án này, các bị cáo đều là những người thực hành tích cực. Các bị cáo đánh bạc có thời gian tham gia khác nhau, N T khác nhau và số tiền bỏ ra để đánh bạc khác nhau nên cần phân hóa vai trò của các bị cáo để cá thể hóa trách nhiệm hình sự một cách chính xác.

Vai trò thứ nhất trong vụ án thuộc về bị cáo TVT. Bị cáo là người cầm cái suốt cả quá trình đánh bạc và cũng là người bỏ ra số tiền nhiều nhất là 13.800.000 đồng để đánh bạc.

Vai trò thứ hai trong vụ án thuộc về bị cáo CVN. Bị cáo tuy không tham gia đánh bạc từ đầu nhưng là người sử dụng số tiền 4.500.000 đồng vào việc đánh bạc (cao thứ hai trong vụ án) và tham gia tích cực đến khi bị bắt quả tang.

Vai trò thứ ba trong vụ án thuộc về bị cáo TVL. Bị cáo tuy không tham gia đánh bạc từ đầu nhưng là người sử dụng số tiền 2.400.000 đồng vào việc đánh bạc (cao thứ ba trong vụ án) và tham gia tích cực đến khi bị bắt quả tang.

Vai trò thứ tư trong vụ án thuộc về bị cáo TVT. Bị cáo là người tham gia đánh bạc ngay từ đầu cùng với TVT, CXM, sử dụng số tiền 1.200.000 đồng (cao thứ tư trong vụ án) để đánh bạc và tham gia tích cực đến khi bị bắt quả tang.

Vai trò thứ năm trong vụ án thuộc về bị cáo CXM. Bị cáo là người tham gia đánh bạc ngay từ đầu cùng với TVT, TVT và sử dụng số tiền 1.000.000 đồng (cao thứ năm trong vụ án) và tham gia tích cực đến khi bị bắt quả tang.

Vai trò thứ sáu trong vụ án thuộc về bị cáo PĐS. Bị cáo sử dụng số tiền 1.000.000 đồng (cao bằng với bị cáo CXM) và nhưng không tham gia đánh bạc ngay từ đầu mà tham gia sau và tích cực đến khi bị bắt quả tang.

Vai trò thứ bảy trong vụ án thuộc về bị cáo LVN. Bị cáo sử dụng số tiền 600.000 đồng (cao thứ bảy trong vụ án) vào việc đánh bạc, bị cáo không tham gia đánh bạc ngay từ đầu nhưng tham gia tích cực đến khi bị bắt quả tang.

Vai trò cuối cùng trong vụ án thuộc về bị cáo LVT. Bị cáo sử dụng số tiền 450.000 đồng (ít nhất trong vụ án) vào việc đánh bạc, bị cáo không tham gia đánh bạc ngay từ đầu nhưng tham gia tích cực đến khi bị bắt quả tang.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo TVT, , CVN, TVT, CXM, PDS, LVN, LVT không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo TVL chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả 08 bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo TVT, TVT, PDS, LVN, LVT phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Cần xem xét thêm cho các bị cáo: Gia đình bị cáo TVT đang thờ cúng liệt sỹ TV S. Bị cáo CVN có bố là ông CVH, mẹ là bà NTN được tặng Huân, Huy chương Hạng Nhất, Hạng Nhì, gia đình bị cáo N đang thờ cúng liệt sỹ. Bị cáo TVT có thời gian tham gia quân đội N dân Việt Nam, bố bị cáo là ông TVB tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước bị nhiễm chất độc màu da cam. Bị cáo CXM có bố là CVS được tặng Huân chương kháng chiến Hạng Nhất. Bị cáo LVN sau khi phạm tội ra đầu thú, bản T bị cáo có tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng Huy Chương kháng chiến Hạng Nhất, là người có công với cách mạng được hưởng chế độ như thương binh 4/4 và được Ban Chấp hành trung ương đoàn TNLD cấp Giấy Ghi công. Bị cáo LVT có bố là ông LĐT tham gia dân công hỏa tuyến được hưởng chế độ trợ cấp 01 lần, có mẹ là bà TTP tham gia thanh niên xung phong; gia đình bị cáo hiện nay đang thờ cúng liệt sỹ LXĐ.

Xét thấy, bị cáo TVT có vai trò cao cao nhất trong vụ án nhưng có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 BLHS, N T tốt và có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo nên chưa cần thiết cách ly mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo.

Bị cáo CVN là người có N T xấu, đã 02 bị tòa án xử phạt về các tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và tội “Đánh bạc” nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản T mà vẫn tiếp tục phạm tội. Bị cáo TVL là người có N T xấu và đang có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục tái phạm, thể hiện sự coi thường pháp luật. Bị cáo CXM tuy có vai trò thứ yếu, số tiền đánh bạc không lớn nhưng lại tham gia đánh bạc từ đầu và tích cực cho đến khi bị bắt và bản T bị cáo là người có N T xấu, đã bị xét xử về tội cố ý gây thương tích, tội gây rối trật tự công cộng và đã bị xử lý hành chính về hành vi Đánh bạc nhưng không chịu tu dưỡng bản T mà vẫn lao vào con đường phạm tội. Do đó cần phải xử lý nghiêm và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo LVN là người có N T xấu, đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nay lại phạm tội đánh bạc nên cần xử phạt nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gián để cải tạo, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên bị cáo có vai trò thấp trong vụ án, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định Điều 51 BLHS (04 tình tiết quy định tại khoản 1, 01 tình tiết quy định tại khoản 2) nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo PDS và bị cáo LVT đều có vai trò thứ yếu trong vụ án, có N T tốt, chưa có tiền án, tiền sự và đều có nơi cư trú rõ ràng nên chưa cần thiết cách ly mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương là cũng đủ nghiêm.

Mức án mà Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa hôm nay đối với các bị cáo là phù hợp và nghiêm M nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. *Về hình phạt bổ sung*: Xét bị cáo LVN là người cao tuổi, không có thu nhập nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Các bị cáo TVT, CVN, CXM TVL, TVT, PDS, LVT thuộc điều luật có hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, không thuộc trường hợp miễn hình phạt tiền, do đó các bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[6]. *Về xử lý vật chứng*: Hội đồng xét xử xét thấy:

- 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân xúc xắc được cắt ra từ quân bài Tú lơ khơ, 01 chiếc chiếu tre và 01 chiếc chăn hoa màu trắng thuộc sở hữu của gia đình anh TVN là công cụ dùng vào việc phạm tội. Anh TVN không yêu cầu nhận lại tài sản trên nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Số tiền 20.450.000 đồng là tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và thu lợi bất chính nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Số tiền thu giữ của các bị cáo nhưng không sử dụng vào việc phạm tội cần trả lại cho các bị cáo. Cụ thể: trả lại cho CVN 7.150.000 đồng, TVT 3.300.000 đồng, PDS 1.050.000 đồng, LVT 500.000 đồng.

[7]. *Biện pháp tư pháp*: Đối với số tiền 4.500.000 đồng mà bị cáo TVT cầm theo bỏ chạy khi bị bắt quả tang. Xét thấy đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần truy thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 BLHS.

[8]. Đối với TVN cùng các thành viên trong gia đình đang lo đám tang cho bố, không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà mình nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định.

[9]. *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo TVT, CVN, CXM, TVL, TVT, PĐS, LVN, LVT phạm tội Đánh bạc.

Căn cứ: Khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo TVT 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Căn cứ: Khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo CVN 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày giam giữ bị cáo là ngày 12/4/2022. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Căn cứ: Khoản 1, 3 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo TVL 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày giam giữ bị cáo là ngày 12/4/2022.

Căn cứ: Khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo TVT 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Căn cứ: Khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo CXM 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày giam giữ bị cáo là ngày 12/4/2022. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v, x khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo LVN 03 (ba) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày giam giữ bị cáo là ngày 22/4/2022. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Căn cứ: Khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo PĐS 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Căn cứ: Khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo LVT 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Ủy ban N dân xã nơi các bị cáo được hưởng án treo cư trú có trách nhiệm phối hợp với gia đình các bị cáo giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền: 20.450.000đ (hai mươi triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân xúc xắc được cắt ra từ quân bài Tú lơ khơ, 01 chiếc chiếu tre và 01 chiếc chăn hoa màu trắng

Trả lại cho CVN số tiền 7.150.000đ (Bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Trả lại cho TVT số tiền 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng). Trả lại cho PDS số tiền 1.050.000 đ (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Trả lại cho LVT số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Đặc điểm chi tiết các loại vật chứng có tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/06/2022, giữa Công an huyện Hưng Nguyên và Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Nguyên. Số tiền hiện có tại tài khoản 39490904223300000 kho bạc nhà nước huyện Hưng Nguyên).

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với bị cáo TVT số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo TVT, CVN, CXM, TVL, TVT, PDS, LVN, LVT phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án N dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Công an huyện Hưng Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Hưng Nguyên;
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

L Quốc Tú

